

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 238/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG
Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Phó

2. Ông Nguyễn Đức Duy

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Ngân - Thư ký toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp BTA, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

**Bị đơn:* Lê Văn O, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp BTA, xã BT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Chị và anh Lê Văn O chung sống với nhau vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do anh O thay đổi tính tình, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài về nhà kiểm chuyện hành hung chửi bới và đe dọa chị rất nhiều lần, từ tháng 5/2019 vợ chồng chị sống ly thân cho đến nay. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị xin ly hôn với anh O.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Thị Lan N, sinh năm 1989; Lê Đức T, sinh năm 1991; Lê Phú Q, sinh năm 1996, các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

* Theo bản khai ngày 27 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn O trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Kim H chung sống chung với nhau vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến ngày 30/01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H cho rằng anh có quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị H vì anh còn thương vợ.

Về con chung: Có 03 con chung như chị H trình bày, các con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lê Văn O thống nhất ly hôn, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung: thống nhất tự thỏa thuận, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xác định quan hệ tranh chấp: “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung: Xét thấy, Chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lê Văn O chung sống với nhau vào năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn theo chị H trình bày tại phiên tòa là do anh O có quan hệ với người phụ nữ khác nên về nhà hành hung và kiêu chuyện cự cãi với chị, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, nay chị yêu cầu được ly hôn với anh O, phía anh O cũng đồng ý ly hôn với chị H, tuy anh chị thuận tình ly hôn nhưng do anh chị sống chung mà không có đăng ký kết hôn Do đó, căn cứ vào điều 53 Luật hôn nhân gia đình cần không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Thị Lan N, sinh năm 1989; Lê Đức T, sinh năm 1991; Lê Phú Q, sinh năm 1996, các con đều đã trưởng thành, chị H, anh O không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Và nợ chung: chị H, anh O khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim H.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Kim H và anh Lê Văn O là vợ chồng.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo biên lai số 01865 ngày 10/02/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị H đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án,

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang,;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Bình Trung, CT;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

ĐÃ KÝ

Phan Thị Kim Hà

